

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN HỌC KỲ I
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2022-2023

Stt	Họ tên giáo viên	Phân công lớp giảng dạy				Số tiết giảng đay	Công tác kiêm nhiệm		Số tiết/ tuần
		Môn giảng dạy	Chuyên đề học tập	TN-HN GDĐP	Dạy tự chọn		Nhiệm vụ	Số tiết	
1	Nguyễn Thị Kim Anh	12A1A4A5A6D2+10E	10E			13	CN 10E	4	17
2	Nguyễn Hoàng Anh	11D1							4
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K12		10C,D,E,G		12	CN 12A5	4	16
4	Phạm Thị Chiến	12A1, 12A2, 12A5, 12A6, 12D1				15	CN 12A6	4	19
5	Lê Thị Đình	10H,I,K+11A3A4A5D2 +12A1A3D1D2	10H, 10I			16	BCHCĐ	1	17
6	Đỗ Thị Dung	K11+ 10H, 10I, 10E			11D1,D2 11A5	16			16
7	Vũ Văn Dũng	12A1A2A3+11A1				16	CN12A1+TP	4+1	21
8	Nguyễn Hoàng Hà	12A1A2A5D1			12A1A2	10	CN12A2	4	14
9	Đặng Thanh Hải*	10A, 10B, 10C+ H10D	10ABCD			14	TT+ Temis	3,5	17,5
10	Trịnh Đình Hải	11A1A5D1D2 +10A, 10B				12	CN11A1+TP NCKH+P.TH	4+1+1	18
11	Nguyễn Trọng Hải	11A3A5D2+10C,10D,10I	10C, 10D			14	NCKH		14

Stt	Họ tên giáo viên	Phân công lớp giảng dạy					Số tiết giảng dạy	Công tác kiêm nhiệm		Số tiết/tuần
		Môn giảng dạy	Chuyên đề học tập	TN-HN GDDP	Dạy tự chọn			Nhiệm vụ	Số tiết	
12	Nguyễn Thị Thúy Hằng	10D,E,G,H,I,K+ 12A1A2A3D1D2	10H, 10I				19			19
13	Chu Thị Hạnh	10C, 10D +11A1,A2					12	CN10D	4	16
14	Chu Thị Hào	12A4A5A6D1D2					20			20
15	Phạm Thị Mai Hiền	Văn thư+Thủ quỹ								
16	Đỗ Trọng Hiếu	11A2, 11A3,10D,10E					14	PBTD	6	20
17	Trần Thị Hợp	Hóa 12A6 +10A, 10B	10A, 10B				8	CN10A+TT +P.TH	4+4	16
18	Lê Thị Kim Huệ	11A5, D1,D2 +10A, 10K			11A5 11D1,D2		13	CN10K	4	17
19	Chu Thị Hương	Hóa 12A3,12A4,12D2			12A3A4		8	PBTD	6	14
20	Trần Thị Thu Hương	Sinh: 12A2A3A4A5		TN-HN: 10H,I,K GDDP: 10H,I,K			10	CN12A3	4	14
21	Dương Thị Hương	10A,10B, 10H	10H				10	CN10H+ TT+BCHCD	9	19
22	Đặng Thương Huyền	Sinh 12A1A6D1D2+ 10C, 10D, 10G, 10K	10C,D, G				15	CN10C	4	19

Stt	Họ tên giáo viên	Phân công lớp giảng dạy						Số tiết giảng dạy	Công tác kiêm nhiệm		Số tiết/tuần
		Môn giảng dạy	Chuyên đề HT	TN-HN GDDP	Dạy tự chọn	Công tác kiêm nhiệm					
						Nhiệm vụ	Số tiết				
23	Mai Thu Huyền	11A3,A4,A5,D1,D2					15	Giám thị	2	17	
24	Phạm Văn Huỳnh	10C,10D + 12A4,5,6,7,8					14	Phòng Tin +CSDL	3	17	
25	Đào Thị Thanh Lan	GDCD: K12+10K	10K		12D1D2		13	CN 12D1	4	17	
26	Đỗ Thị Thu Loan	11A4, 11A5, 12A3,12A4, 12D2					17	CN11A5	4	21	
25	Quách Thị Luyến	11A2,11A3,11A4		TN-HN: 10A, 10B GDDP: 10A, 10B			10	CN 11A3	4	14	
28	Nguyễn Thị Miên	11A1A2A4+10E, 10G, 10H	10E, G		11A1A2		16			16	
29	Lê Thanh Miên	11D1,11A6,10C,10K	10K				15	CN11D1	4	19	
30	Nguyễn Thị Cẩm Ngọc	10A,10G+12A1,A2,A3	10G				11	CN10G Phòng Tin	4+1	16	
31	Trần Hồng Nhân	11A2A3A4A5+10E					19	CN11A2	4	23	
32	Đỗ Thị Nhiệm	11A1,11D2, 10G,10I	10I				15	CN11D2	4	19	
33	Tạ Thị Bích Nụ	10I +12A1,A2,A3,A4			12A3, 12A4		17			17	

Stt	Họ tên giáo viên	Phân công lớp giảng dạy					Số tiết giảng dạy	Công tác kiêm nhiệm		Số tiết/tuần
		Môn giảng dạy	Chuyên đề HT	TN-HN GDDP	Dạy tự chọn	Nhiệm vụ		Số tiết		
34	Nguyễn Thị Phúc	P.HT+ Hóa 11D1					2	HN	2	17
35	Nguyễn Quang Phong	12A4A5A6D1D2+10C, 10D			12A6		15	TT	3	18
36	Nguyễn Văn Quân	11A1A2A3A4+10B, 10E, 10G			11A3A4		16			16
37	Phạm Thị Quyên	Thư Viện								
38	Nguyễn Thị Kim Thanh	10A,10B, 10E +12D1,D2					15	CN12D2 +TP	5	20
39	Phạm Đình Thi	10B, 10E + Khối 11	10E		11A3A4		14	Phòng Tin	1	15
40	Đào Thị Thứ	GDQPAN:K10					9	BTĐ	12	21
41	Hà Thị Thương	Công nghệ K11+10H, 10I, 10K	10K				14	CN11A4	4	18
42	Hà Thị Kim Thủy	12A5,A6+10G,10H,10K			12A5, 12A6		17			17
43	Lê Thị Thủy	Vật lí 10A, 10B+ 11A5,D1,D2	10A, 10B				12	CN10B	4	16
44	Nguyễn Thị Thủy	10A, 10B, 10C+K11+12A4,A5,A6					16	TT	3	19

Stt	Họ tên giáo viên	Phân công lớp giảng dạy					Số tiết giảng dạy	Công tác kiêm nhiệm		Số tiết/tuần
		Môn giảng dạy	Chuyên đề HT	TN-HN GDDP	Dạy tự chọn	Nhiệm vụ		Số tiết		
45	Vũ Đức Tính	Vật lí 12A2,A3,D1			12A1A2		8	TK+TP+TB+Web	7	15
46	Trịnh Thị Phương	Kế Toán								
47	Nguyễn Minh Tuấn	Vật lí 11A1A2A3A4+10C, 10D			11A1A2		14	TT+P.TH	3+1	18
48	Lê Xuân Tuyên	QPAN: K12+K11			12A5, D1,D2		18			18
49	Nguyễn Thị Mai Tuyết	TD:12A1,A2,A3+10H, 10I					10	CTCD+CN10I	3+4	17
50	Nguyễn Ngọc Văn	P.HT + Toán 11D2					3,5			17
51	Đỗ Xuân Vượng	H.Trường+ ĐS10D					2			17
52	Lê Thị Hai Yến	11A1A2D1+12A2A4A5A6+ 10G		GDDP: 10C,10D, 10E,10G			13	CN 12A4	4	17
53	Dương Thị Phương Anh	10H,10I,10K,10G					12			12

Yên Mỹ, ngày 15 tháng 8 năm 2022



Đỗ Xuân Vượng

Lưu ý 1 : Trải nghiệm, hướng nghiệp đối với khối 10 _CTGDPT 2018 bắt đầu từ năm học 2022-2023

1. Tổng số tiết : 105 tiết/ năm (với 35 tuần thực học), tức là 3 tiết/tuần.

2. Theo hướng dẫn của Phòng GDTrH –Sở GD&ĐT dự kiến:

- a. Cách tính số tiết: 1 tiết chào cờ (sáng thứ 2-GVCN), 1 tiết sinh hoạt (sáng thứ 7-GVCN), 1 tiết dạy hướng nghiệp (Phân công GV dạy)
- b. Phân công nhiệm vụ : Chủ yếu dạy TN-HN phân công cho GVCN (như đã thực hiện)
- c. Phân công GV dạy HN vào dạy : Tiết 5, sáng thứ 7, tuần thứ 2, hàng tháng

Lưu ý 2: Môn Lịch sử đối với khối 10 _CTGDPT 2018 bắt đầu từ năm học 2022-2023

- Kì 1: Dạy 2 tiết /tuần
- Kì 2: Dạy 1 tiết/ tuần

Lưu ý 3: Môn Tin học năm học 2022-2023

Khối 12

-Kì 1: Dạy 2 tiết /tuần

-Kì 2: Dạy 1 tiết/ tuần

Khối 11

-Kì 1: Dạy 1 tiết /tuần

-Kì 2: Dạy 2 tiết/ tuần

Khối 10

-Kì 1: Dạy 2 tiết /tuần

-Kì 2: Dạy 2 tiết/ tuần